CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng

Ngày 30/09/2025	12,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.0%	**39.8%**	**8.5%**

DT thuần
Q3/25
126
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.00| 5.2%
YoY: ▲ 12.0| 10.7%

LN thuần
Q3/25
5.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.15| 157%
YoY: ▲ 5.40| 2159%

LN sau thuế
Q3/25
5.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.12| 152%
YoY: ▲ 5.44| 2013%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.3%
YoY: +/-▲ 2.4%

ROE (TTM)
Q3/25
5.4%
YoY: +/-▲ 1.8%

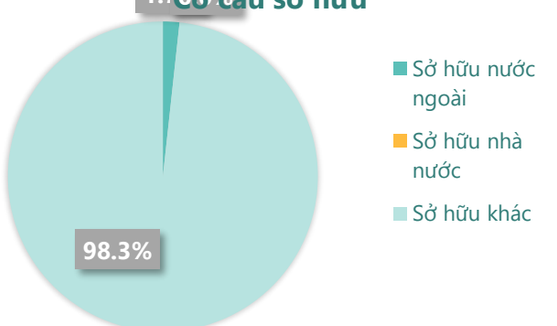
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,730 - 12,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	274
Số lượng CPLH (CP)	22,516,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,385
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.23
EPS	725
P/E	16.7

DT thuần
9T 2025
357
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0| 12.2%

LN thuần
9T 2025
13.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.89| 185%

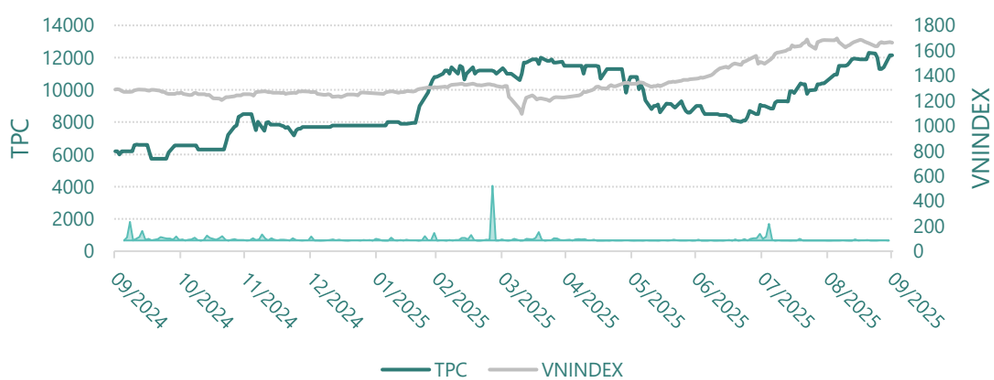
LN sau thuế
9T 2025
11.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.40| 65.2%

Cơ cấu sở hữu

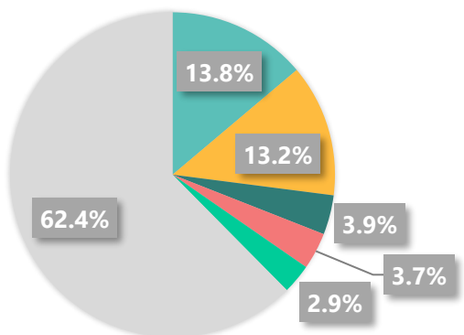


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

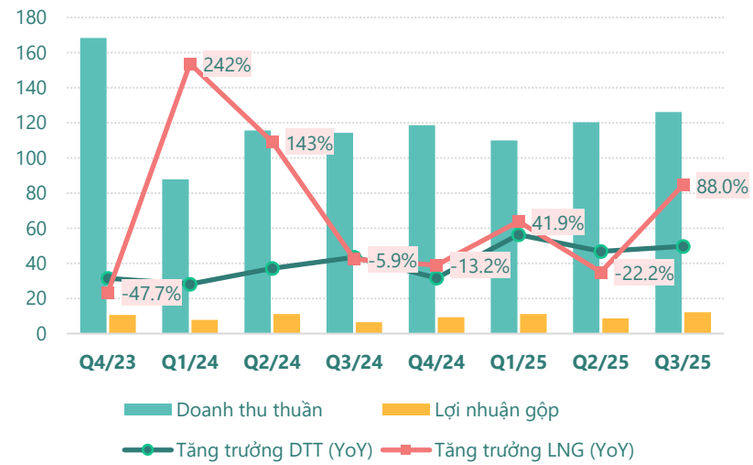


Lê Thị Mỹ Hạnh
Phạm Trung Cang (Chủ tịch HĐQT)
Đỗ Thị Quế Thanh
Phạm Đỗ Diễm Hương
Phạm Đỗ Quế Hương
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

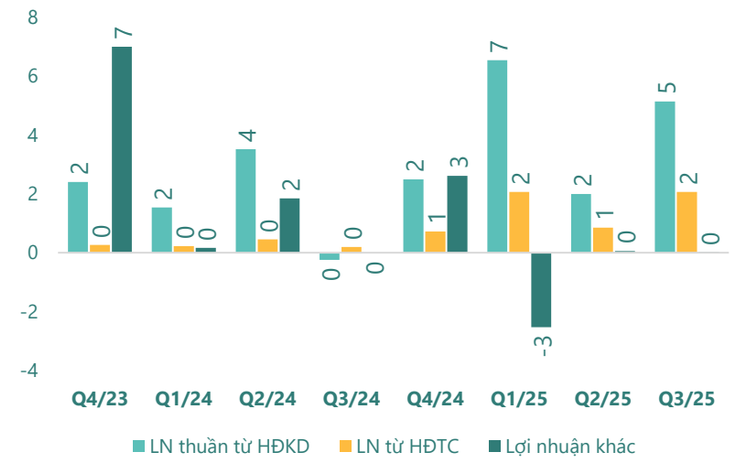
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



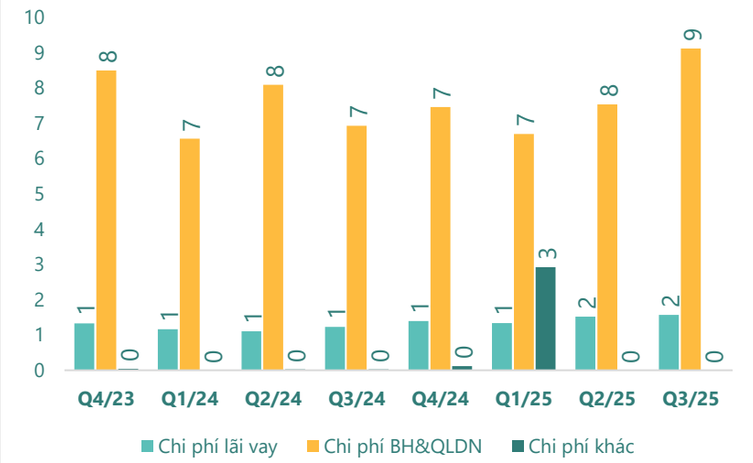
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



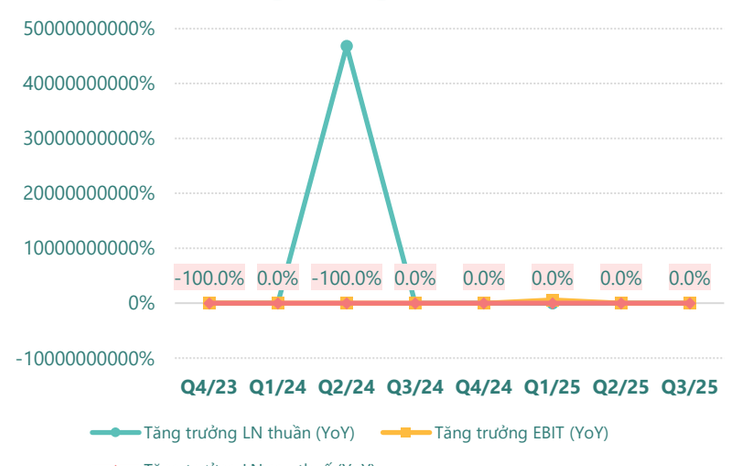
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



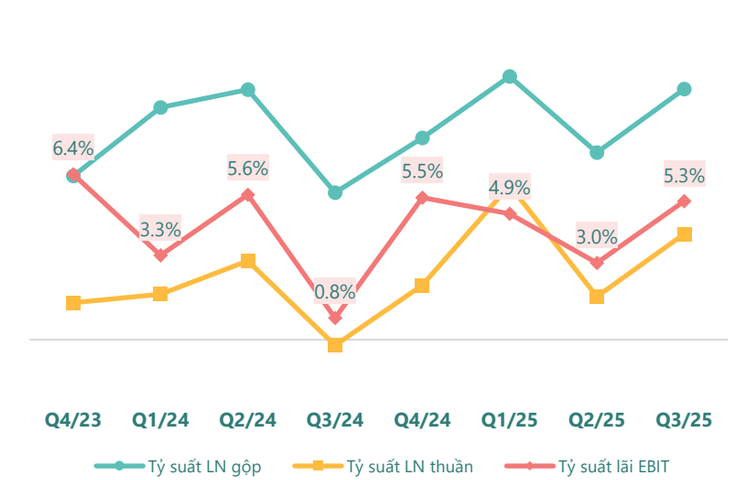
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



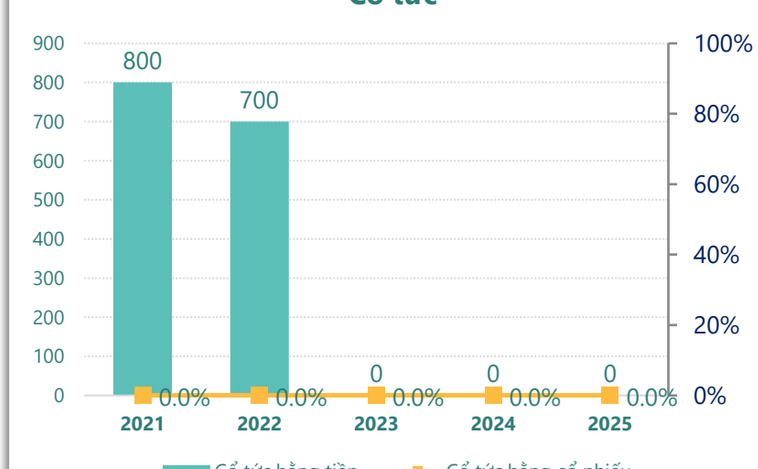
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

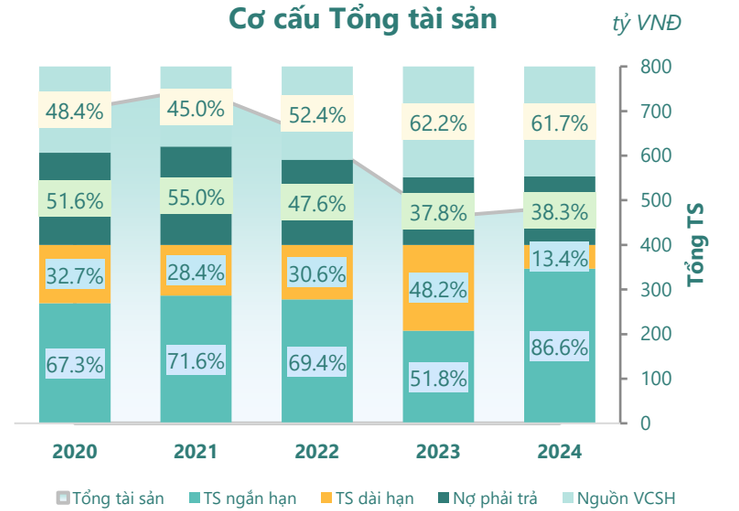
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

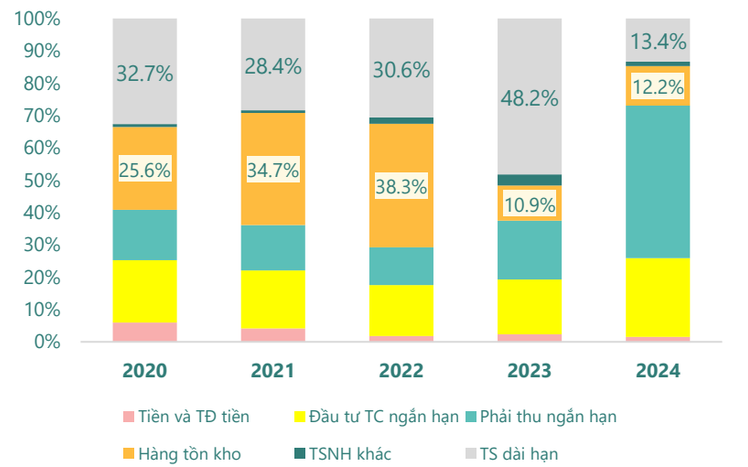
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



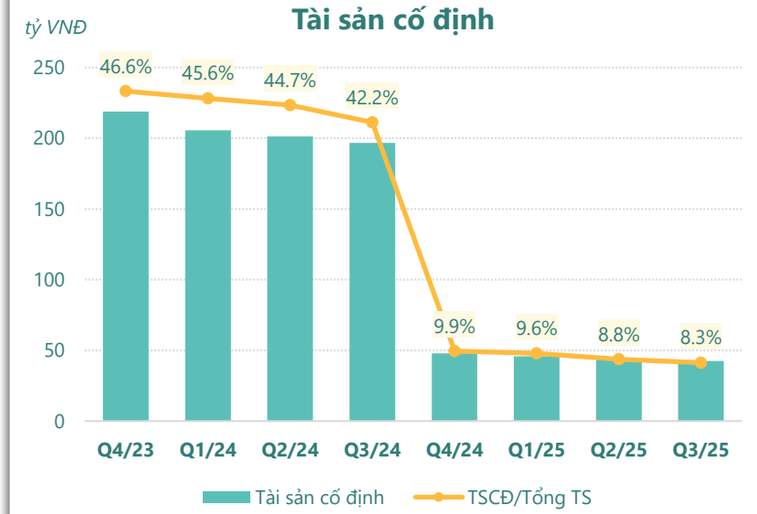
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



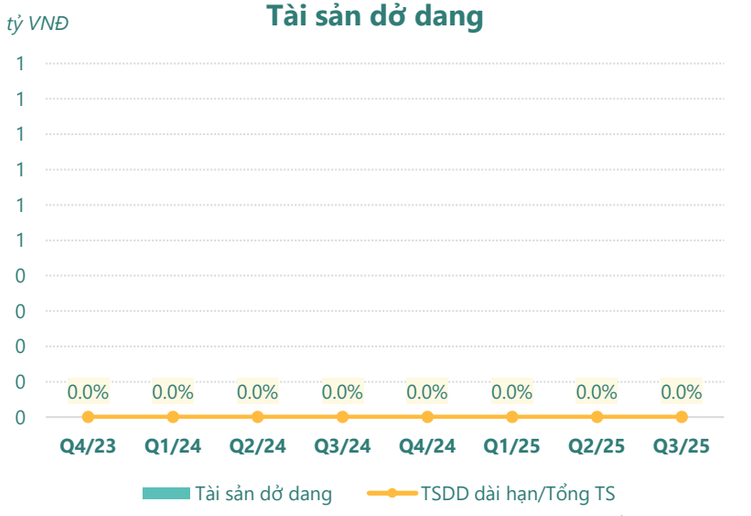
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



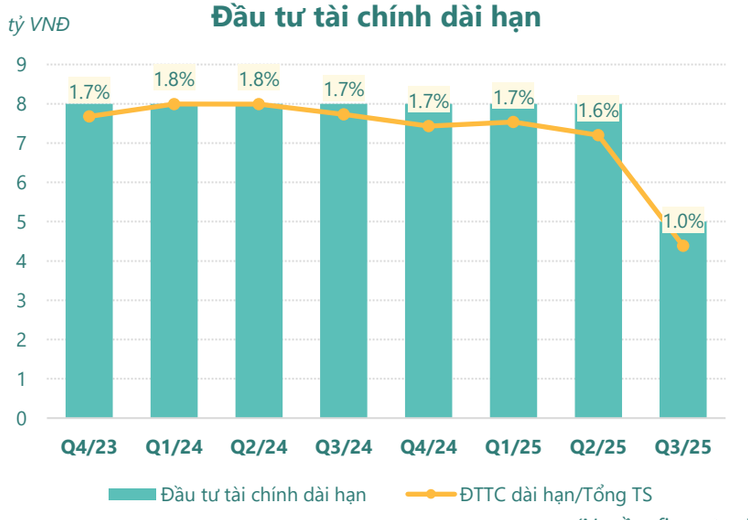
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



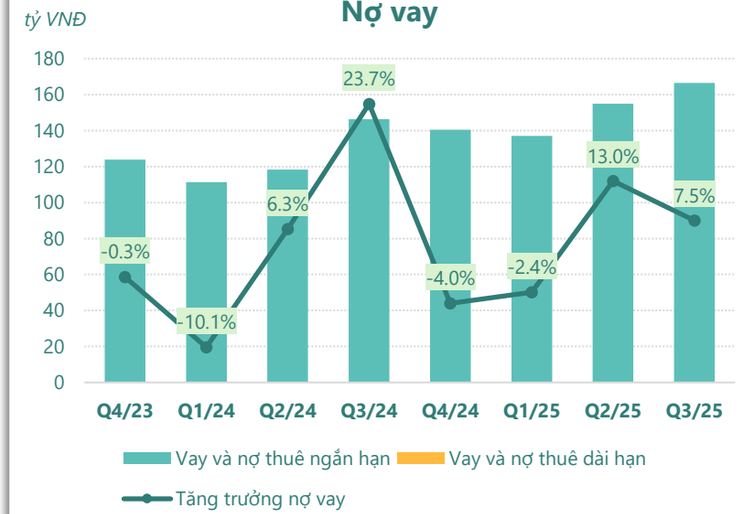
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

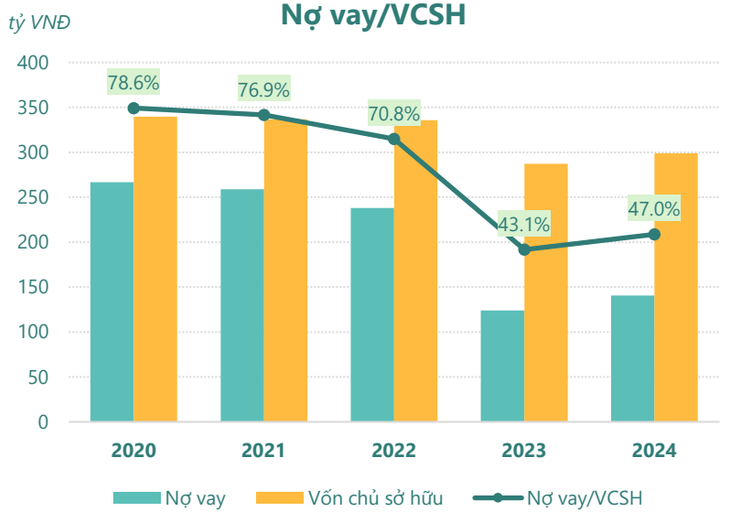
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



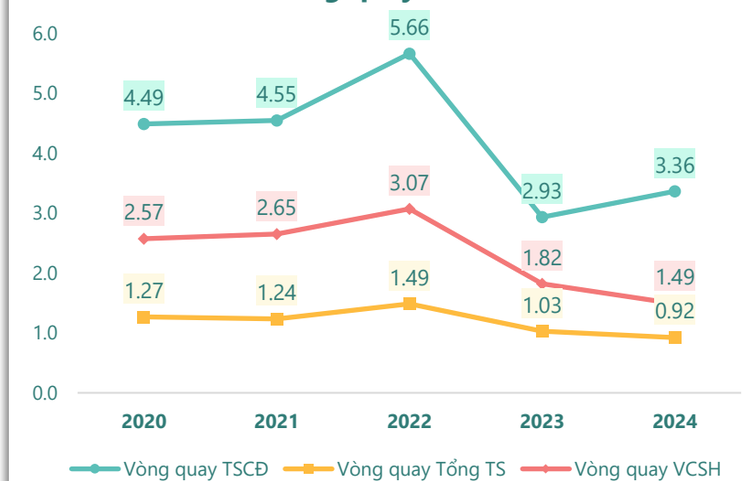
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



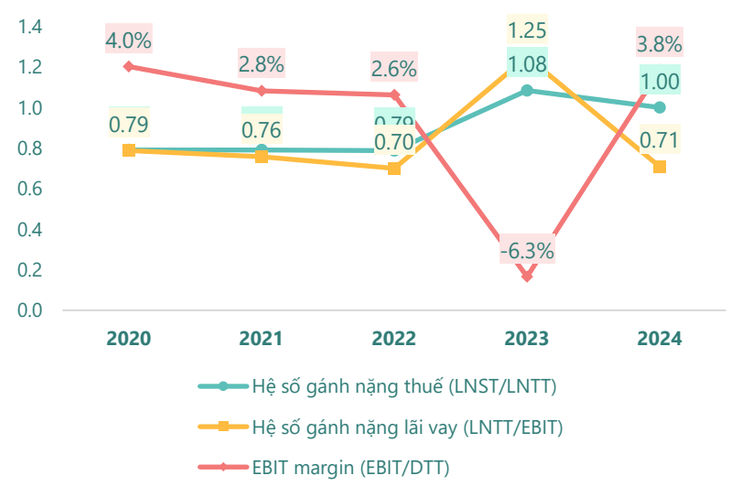
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



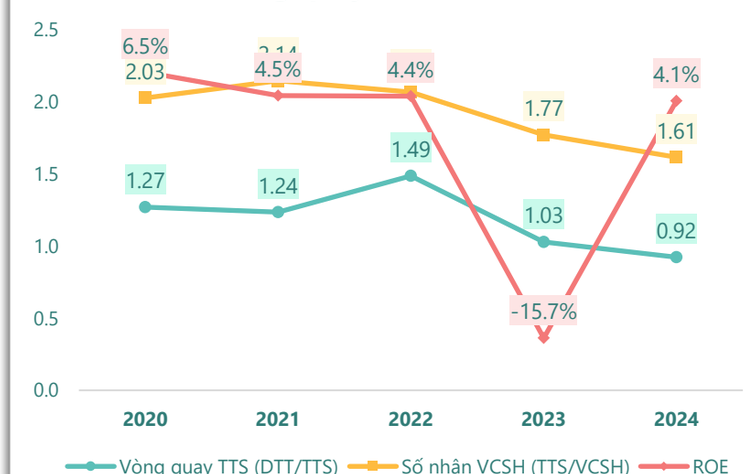
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



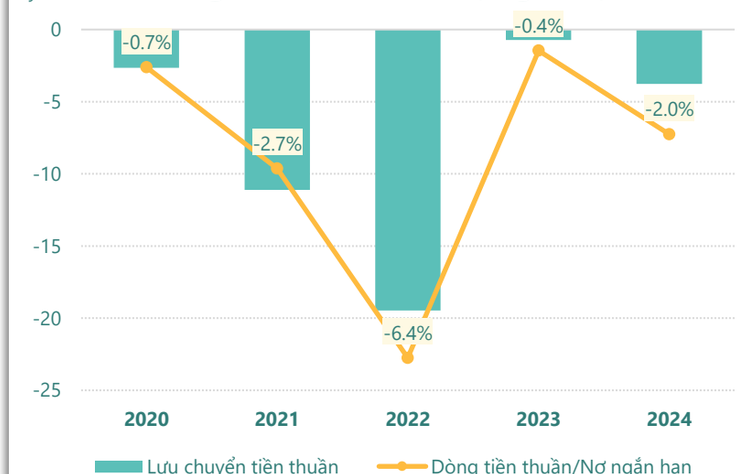
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**126**	**114**	**10.7%**	**357**	**318**	**12.2%**
Giá vốn hàng bán	114	108	5.6%	325	292	11.0%
Lợi nhuận gộp	12.2	6.49	88.0%	32.1	25.5	25.6%
Doanh thu HĐTC	3.64	1.62	125%	9.55	4.56	110%
Chi phí TC	1.57	1.42	10.8%	4.56	3.69	23.7%
Chi phí lãi vay	1.57	1.23	28.0%	4.43	3.49	26.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.55	3.38	34.7%	12.2	10.5	16.1%
Chi phí QLDN	**4.57**	**3.55**	**28.7%**	**11.2**	**11.1**	**0.7%**
LN thuần từ HĐKD	5.15	-0.25	2159%	13.7	4.81	185%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**-0.03**	**155%**	**-2.46**	**1.99**	**-224%**
LN trước thuế	5.17	-0.27	2013%	11.2	6.80	65.2%
Lợi nhuận sau thuế	**5.17**	**-0.27**	**2013%**	**11.2**	**6.80**	**65.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.17**	**-0.27**	**2013%**	**11.2**	**6.80**	**65.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.3	6.51	-9.70	0.74	5.83	1.31
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.44	-45.1	16.7	0.78	-19.9	-8.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.06	28.3	-6.05	-3.15	17.3	5.24
Tiền đầu kỳ	6.51	16.5	6.17	7.35	5.73	9.07
Lưu chuyển tiền thuần	**9.88**	**-10.3**	**0.91**	**-1.62**	**3.27**	**-2.31**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0	0.06	0.00	0.07	-0.07
Tiền cuối kỳ	16.5	6.17	7.14	5.73	9.07	6.69

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**514**	**485**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	460	420	9.5%
Tiền và tương đương tiền	6.69	7.35	-9.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	275	118	133%
Phải thu ngắn hạn	105	229	-53.9%
Hàng tồn kho	62.4	59.2	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	10.4	6.72	54.8%
Tài sản dài hạn	**53.7**	**64.7**	**-17.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	42.4	47.9	-11.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.00	8.00	-37.5%
Tài sản dài hạn khác	**6.30**	**8.78**	**-28.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	203	186	9.5%
Nợ ngắn hạn	**203**	**186**	**9.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	141	18.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.7	27.9	-25.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**310**	**299**	**3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**310**	**299**	**3.8%**
Vốn điều lệ	225	244	-7.8%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)